TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03/10/2018
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Luật, bà Trần Thị Liên.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị La- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 105/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐHPTST-DS ngày 14/9/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1986;

ĐKHKTT: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Hồng Q, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Bà Lưu Thị S, sinh năm 1951; Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt.

Bà Trần Thị X, sinh năm 1953; Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Hồng Q kết hôn ngày 06/10/2003, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi hết hôn anh chị chung sống ở thôn Đ, xã H và chung sống cùng bố mẹ đẻ anh Q, một thời gian sau thì ở riêng nhưng vẫn ở trên đất của bố mẹ. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi, chửi nhau, nguyên nhân là do anh chị không phù hợp về tính cách, bất đồng quan điểm, chị đi làm công nhân thường phải đi làm về muộn nên anh Q hay ghen tuông vô cớ, có nhiều lời nói thiếu tôn trọng, xúc phạm đến nhân phẩn, danh dự của chị, anh Q còn ngăn cản không cho chị về chăm sóc bố mẹ đẻ những lúc ốm đau. Nhiều lần vợ chồng mâu thuẫn chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, anh Q đến chửi bới, súc phạm cả bố mẹ chị, nhưng do nghĩ đến các con nên chị tha thứ cho anh Q để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên chỉ được một thời gian thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn, chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân nhiều áp lực, không có hạnh phúc. Tháng 3/2018 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, xã H sống ly thân với anh Q, sau đó có một vài lần anh Q đến tìm gặp chị nhưng không tìm cách hòa giải mâu thuẫn mà lại chửi bới chị và gia đình chị, anh Q còn nhắn tin, gọi điện đe dọa chị. Đến nay chị nhận thấy anh chị không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục chung sống, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Q.

Về con chung*:* Chị và anh Q có hai con chung là Lê Quốc V, sinh ngày 27/10/2004 và Lê Quốc C, sinh ngày 09/7/2009. Hiện nay con chung Lê Quốc V đang ở với anh Q còn con chung Lê Quốc C đang ở với chị. Chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con Lê Quốc C, để cho anh Q tiếp tục nuôi con Lê Quốc V, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Cháu Lê Quốc C trình bày: Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Cháu Lê Quốc V trình bày: Cháu có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Người làm chứng :

Bà Trần Thị X (mẹ đẻ chị N) trình bày: Sau khi kết hôn chị N, anh Q chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q hay ghen tuông vô cớ, nghe bạn bè xúi bẩy chửi mắng, xúc phạm chị N, nhiều lần chị N bỏ về nhà bà, bà động viên nên chị N lại quay về chung sống với anh Q, nhưng sau đó vợ chồng vẫn xẩy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn của chị N, anh Q nghiêm trọng hơn kể từ tháng 3/2015 khi chồng bà bị ốm, chị N đi chăm bố ở Bệnh viện, anh Q không đồng ý đã chửi bới chị N. Tháng 3/2018 chị N bỏ về nhà bà sống ly

thân với anh Q từ thời gian đó, anh Q có đếm tìm gặp chị N nhưng chỉ chửi bới, súc phạm chị N nên chị N không quay về. Bà không muốn các con phải ly hôn nhưng cũng nhận thấy chị N và anh Q không thể khắc phục được mâu thuẫn. Về con chung: chị N anh Q có hai con chung.

Bà Lưu Thị S (mẹ đẻ anh Q) trình bày: Quá trình anh Q, chi N chung sống với nhau xẩy ra mâu thuẫn như thế nào bà không rõ vì không thấy anh chị nói với bà. Thỉnh thoảng chị N dỗi anh Q lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ khoảng 10 ngày - 1 tháng sau đó lại quay về nhà, chỉ từ ngày 13/2/2018 (âm lịch) chị N đưa con là cháu C về nhà bố mẹ đẻ ở đến nay vẫn chưa quay về. Anh Q nhiều lần đến tìm gặp chị N nhưng chị N vẫn cương quyết không về. Bản thân bà không muốn các con ly hôn nên nhiều lần đến nhà bố mẹ đẻ chị N để động viên chị N nhưng không gặp mà chỉ nói chuyện với bố mẹ chị N, đến nay chị N vẫn không quay về nhà. Về con chung: chị N, anh Q có hai con chung hiện nay con chung là Nguyễn Quốc V đang ở với anh Q, còn con chung Lê Quốc C đang ở cùng chị N. Bà xác nhận anh Q đã nhiều lần nhận được văn bản và giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc vì khi chị N làm đơn ly hôn không nói với anh Q và còn nói chị sẽ tự giải quyết một mình nên anh Q mới không đến Tòa án.

Tòa án tiến hành xác minh tại Công an xã H, Trưởng thôn Đ-xã H thể hiện: Anh Lê Hồng Q đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện vẫn đang cư trú tại thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Quá trình vợ chồng anh Q chung sống có mâu thuẫn như thế nào địa phương không rõ vì chị N, anh Q chưa bao giờ yêu cầu hòa giải mâu thuẫn gia đình. Đầu năm 2018 chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn C sống, từ đó không thấy chị N quay về chung sống với anh Q. Công an xã nhiều lần nhận được giấy triệu tập, các văn bản tố tụng của Tòa án nhờ công an tống đạt cho anh Q, Công an xã đã giao các tài liệu đó cho anh Q hoặc gia đình anh Q.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn chị N giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Q vì xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống. Về con chung đề nghị giao cho chị tiếp tục nuôi con chung Lê Quốc C, giao cho anh Q tiếp tục nuôi con chung Lê Quốc V, chị và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Q vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn

không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Xử cho chị N ly hôn anh Q; Về con chung: Giao cho chị N tiếp tục nuôi con chung là Lê Quốc C, sinh ngày 09/7/2009; giao cho anh Q tiếp tục nuôi con chung Lê Quốc V, sinh ngày 27/10/2004, chị N, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Hồng Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N, anh Lê Hồng Q kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 06/10/2003 tại UBND xã H là hôn nhân hợp pháp. Chị N trình bày: Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không phù hợp về tính cách, anh Q hay ghen tuông vô cớ, chửi bới, súc phạm chị. Nhiều lần chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ nhưng sau đó vợ chồng lại quay về chung sống cùng nhau, tuy nhiên vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, tháng 3/2018 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sống ly thân với anh Q. Xét lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với tài liệu xác minh tại Công an xã H, Trưởng thôn Đ – xã H. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Q đến Tòa để trình bày quan điểm về yêu cầu xin ly hôn của chị N và tham gia phiên hòa giải nhưng anh Q đều vắng mặt, không thể hiện quan điểm, chứng tỏ anh Q không mong muốn hòa giải để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh Q. Nên có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của chị N, anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị N ly hôn anh Q.

[3] Về quan hệ con chung: Chị N và anh Q có hai con chung là Lê Quốc V, sinh ngày 27/10/2004 và Lê Quốc C, sinh ngày 09/7/2009. Hiện nay con chung Lê Quốc V đang ở với anh Q còn con chung Lê Quốc C đang ở với chị N. Chị N đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con Lê Quốc C, để cho anh Q tiếp tục nuôi con Lê Quốc V, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. HĐXX xét thấy yêu cầu của chị N

phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của anh chị, phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N giao con chung là Lê Quốc C cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, giao con chung Lê Quốc V cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, chị N, anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Phạm Thị N ly hôn anh Lê Hồng Q.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Quốc C, sinh ngày 09/7/2009 cho chị Phạm Thị N tiếp tục nuôi dưỡng; giao con chung là Lê Quốc V, sinh ngày 27/10/2004 cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị N, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AA/2016/0002258 ngày 13 tháng 6 năm 2018.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Sách;
- Đương sự;
- UBND xã H ;
- THA DS huyện Nam Sách;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy